

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-3-2023.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị A, sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Ngân Văn B, sinh năm: 1984

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt, theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2022/QĐST-VDS ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:** Bà và ông Ngân Văn B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 03/4/2012. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau nhưng sau một thời gian nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Ông B còn hay nghe lời bạn bè về nói những lời không tôn trọng vợ, khinh thường vợ không làm ra tiền. Vì thương con nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn. Tuy nhiên ngày 30/12/2018, ông B bỏ nhà đi không có tin tức gì. Mặc dù gia đình đã cố gắng tìm kiếm nhiều năm nhưng không có kết quả. Ngày 01/7/2022, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà đã ban hành Quyết định số 05/2022/QĐST-VDS tuyên bố ông Ngân Văn B mất tích theo đơn yêu cầu của

bà. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, vì thế bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ngân Văn B.

- Về con chung: Ông bà có một con chung là cháu Ngân Văn Trí C, sinh ngày 02/10/2012. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Ngân Văn B do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà không thể triệu tập để lấy lời khai và hoà giải được.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị A và cho bà A được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Ngân Văn Trí C, sinh ngày 02/10/2012 cho bà Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Bà A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ngân Văn B đã mất tích. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Ngân Văn B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2012 ngày 03/4/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ban đầu ông bà có hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó cả hai nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hoà do ông B thường xuyên nghe theo lời bạn bè về chê bai ngoại hình và coi thường bà A khiến cho cuộc sống vợ chồng càng trở nên căng thẳng. Từ năm 2018, ông B bỏ đi, bà A và gia đình đã dùng nhiều biện pháp để tìm kiếm ông B nhưng không có kết quả. Đến ngày 01/7/2022 ông B đã được Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà tuyên bố mất tích theo Quyết định số 05/2022/QĐST-VDS. Vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa bà Trần Thị A và ông Ngân Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Trần Thị A và ông Ngân Văn B có một con chung là cháu Ngân Văn Trí C, sinh ngày 02/10/2012. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu C hiện nay đang ở cùng mẹ và tại bản tự khai ngày 17/11/2022 cháu Tuệ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Trần Thị A. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51; khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị A.**

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn ông Ngân Văn B.
- Về con chung: Giao cháu Ngân Văn Trí C, sinh ngày 02/10/2012 cho bà Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Ngân Văn B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

Ông Ngân Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005340 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Trần Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Huyền